BỘ NỘI VỤ
HỘI ĐỒNG THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC VÀ THĂNG HẠNG CDNN VIÊN CHỨC NĂM 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH CÔNG CHỨC THI MÔN NGOẠI NGỮ CA 01
KỲ THI NÂNG NGẠCH CHUYÊN VIÊN CHÍNH NĂM 2020
Địa điểm: Phòng máy số 07, Tầng 3, Nhà D

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Số báo danh	Chức vụ, chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị công tác	Được miễn thi ngoại ngữ	Ngoại ngữ dự thi
			Nam	Nữ					
(1)	*(2)*		*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*
1	Trần Công	Khôi	19/5/1973		**1183**	Phó Vụ trưởng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Tiếng Anh
2	Trần Tuấn	Khôi	25/7/1984		**1184**	Phó Trưởng phòng	Bộ Xây dựng		Tiếng Anh
3	Phạm Trung	Kiên	03/7/1977		**1186**	Chuyên viên	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Tiếng Anh
4	Hoàng Trung	Kiên	18/9/1978		**1187**	Giám đốc Ban Quản lý đầu tư xây dựng	UBND thành phố Hưng Yên		Tiếng Anh
5	Phạm Đình	Kiêu	21/06/1970		**1188**	Đội trưởng	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh
6	Nguyễn Văn	Kình	18/2/1978		**1189**	Phó Giám đốc	Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Hưng Yên		Tiếng Anh
7	Vương Như Ý	Lan		28/01/1979	**1190**	Phó Chánh Văn phòng	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh
8	Lê Thị	Lan		17/01/1979	**1191**	Trưởng phòng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Tiếng Anh
9	Trần Đình	Lăng	7/10/1981		**1193**	Chánh Văn phòng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Tiếng Anh
10	Nguyễn Đức	Lăng	18/10/1982		**1194**	Phó Chủ tịch	UBND huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên		Tiếng Anh

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Số báo danh	Chức vụ, chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị công tác	Được miễn thi ngoại ngữ	Ngoại ngữ dự thi
			Nam	Nữ					
11	Nguyễn Thị	Lanh		03/10/1979	**1195**	Chuyên viên	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh
12	Vũ Đức	Lập	09/10/1975		**1196**	Phó trưởng phòng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Tiếng Anh
13	Phạm Thủy	Liên		25/9/1975	**1198**	Phó Chánh VP	Bộ Xây dựng		Tiếng Anh
14	Nguyễn Thị Thùy	Liễu		16/11/1975	**1200**	Phó Vụ trưởng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Tiếng Anh
15	Nguyễn Thị	Liệu		25/01/1982	**1201**	Chuyên viên	Bộ Nội vụ		Tiếng Anh
16	Nguyễn Hoàng	Linh		04/4/1984	**1203**	Chuyên viên	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Tiếng Anh
17	Trương Thị Thùy	Linh		08/4/1983	**1204**	Chuyên viên	Bộ Xây dựng		Tiếng Anh
18	Lê Mạnh	Linh	21/7/1979		**1205**	Chuyên viên	Bộ Xây dựng		Tiếng Anh
19	Nguyễn Duy	Loát	02/8/1983		**1207**	Phó Trưởng phòng	Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên		Tiếng Anh
20	Vũ Thị	Lộc		06/6/1978	**1208**	Trưởng phòng	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Hưng Yên		Tiếng Anh
21	Lưu Ngọc	Long	10/8/1985		**1209**	Chuyên viên	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh
22	Trần	Long	29/8/1976		**1210**	Chuyên viên	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh
23	Lê Anh	Ngọc	24/7/1982		**1212**	Trưởng phòng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Tiếng Anh
24	Vũ Tiến	Lực	30/8/1981		**1214**	Chuyên viên	Bộ Xây dựng		Tiếng Anh

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Số báo danh	Chức vụ, chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị công tác	Được miễn thi ngoại ngữ	Ngoại ngữ dự thi
			Nam	Nữ					
25	Phạm Xuân	Luyến	11/1/1980		**1215**	Trưởng phòng	Bộ Xây dựng		Tiếng Anh
26	Hoàng	Lý	08/11/1977		**1216**	Trưởng phòng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Tiếng Anh
27	Trần Thị	Lý		09/9/1982	**1217**	Trưởng ban	Sở Nội vụ tỉnh Hưng Yên		Tiếng Anh
28	Lê Thị Thanh	Mai		04/12/1984	**1218**	Chuyên viên	Bộ Nội vụ		Tiếng Anh
29	Sùng Thị	Mai		13/9/1979	**1219**	Chuyên viên	Ủy ban Dân tộc		Tiếng Anh
30	Đỗ Đức	Mạnh	10/11/1985		**1220**	Chánh văn phòng	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh
31	Vương Tiến	Mạnh	15/4/1977		**1221**	Phó Giám đốc	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Tiếng Anh